

PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU VỀ THẨM QUYỀN DÂN SỰ SƠ THẨM CỦA TÒA ÁN THEO LÃNH THỔ

CHU ĐĂNG CHUNG*

Tóm tắt: Các quy định về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ tại một số quốc gia châu Âu được đánh giá là mang tính tiên phong và có ý nghĩa tham khảo rất lớn đối với nhiều khu vực trên toàn thế giới. Việt Nam, với tư cách là một quốc gia cũng theo hệ thống pháp luật civil law, cũng tồn tại sự tương đồng về nhiều khía cạnh với những quốc gia này. Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích quy định pháp luật của Liên minh châu Âu, Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Liên bang Đức và từ đó rút ra một số đánh giá chung về hệ thống các quy định của các quốc gia này về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ cũng như đưa ra một số nhận xét về các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.

Từ khóa: Thẩm quyền; dân sự; sơ thẩm; lãnh thổ; châu Âu; pháp luật

Ngày nhận bài: 23/11/2024; Biên tập xong: 02/12/2024; Duyệt đăng: 17/01/2025

LAWS OF SEVERAL EUROPEAN COUNTRIES ON THE FIRST-INSTANCE CIVIL JURISDICTION OF COURTS BY TERRITORY

Abstract: Regulations on first-instance civil jurisdiction of courts by territory in several European countries are considered pioneering and have great reference value for many regions around the world. Vietnam, as a country that follows the civil law legal system, also has similarities in a number of aspects with these countries. This article focuses on researching and analyzing the legal regulations of the European Union, France, Germany and hence draws some general assessments on the regulatory systems of these countries on first-instance civil jurisdiction of courts by territory as well as gives some comments on current Vietnamese legal regulations.

Keywords: Jurisdiction; civil; first-instance; territory; Europe; law

Received: Nov 23rd, 2024; **Editing completed:** Dec 02nd, 2024; **Accepted for publication:** Jan 17th, 2025

1. Pháp luật của Liên minh châu Âu về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ

Trong hệ thống pháp luật của Liên minh châu Âu (EU), Quy định Brussels số 44/2001 về Thẩm quyền và Sự ghi nhận, Thực hiện các Phán quyết trong lĩnh vực Dân sự và Thương mại được coi là văn bản quan trọng nhất cấu thành nên “Mô hình Brussels” về các nguyên tắc thẩm quyền thống nhất. Mô hình này đã tổng hợp tất cả các nguyên tắc thẩm quyền trong lĩnh vực dân sự và thương mại, đồng thời bảo đảm sự ghi nhận cũng như thực hiện các phán quyết giữa các quốc gia thành viên và sự tự do di chuyển trong phạm vi lãnh thổ EU.

Điều 2 của Quy định Brussels ghi nhận về loại thẩm quyền đầu tiên có tên là **thẩm quyền chung**, theo đó thẩm quyền này được xác lập đối với tòa án tại nơi cư trú của bị đơn mà không quan tâm đến bất kỳ mối liên hệ cụ thể nào giữa vụ việc và tòa án. Đoạn 11 trong Phần

mở đầu của Quy định đã ghi nhận chi tiết rằng “**thẩm quyền chung** được dựa trên nơi cư trú của bị đơn và luôn được ưu tiên áp dụng trên cơ sở trong những hoàn cảnh được xác định rõ ràng”. Trong những hoàn cảnh rõ ràng này, bị đơn có thể phải bị khởi kiện tại các tòa án của một quốc gia thành viên khác, được ghi nhận một cách cụ thể. Các loại thẩm quyền còn lại, đều được xem là có giá trị thấp hơn so với nguyên tắc chính về thẩm quyền tại nơi bị đơn cư trú.

Các quy định về **thẩm quyền đặc biệt** hay **thẩm quyền thay thế** được ghi nhận từ Điều 5 đến Điều 7, có thể được xem là ngoại lệ của thẩm quyền tại nơi bị đơn cư trú¹. Loại thẩm quyền này được gọi là “**thẩm quyền thay thế**” bởi chúng trao quyền cho nguyên đơn

* Email: Luatsuchudangchung@gmail.com

Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Pháp luật dân sự và Kiểm sát dân sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

¹ Mankowski, Peter & Magnus, Ulrich, *Brussels I Regulation*, § 8-9, Sellier de Gruyter (2007), tr. 93.

tiếp cận với một tòa án thay thế bổ sung phù hợp, bên cạnh tòa án tại nơi bị đơn cư trú. Trong khi đó, *thẩm quyền đặc biệt* được hiểu là thẩm quyền giới hạn trong bản chất cụ thể của tranh chấp, ví dụ như các tranh chấp liên quan đến hợp đồng và tranh chấp nảy sinh từ hoạt động của chi nhánh. Các nhà lập pháp của EU đã nhìn nhận sự kết nối đặc biệt này giữa tòa án và tranh chấp là đủ lớn để trao cho nguyên đơn tiếp cận với một tòa án bổ sung. Mặc dù vậy, thẩm quyền đặc biệt chỉ được áp dụng nếu tòa án bổ sung đang thuộc về lãnh thổ của một trong những quốc gia thành viên. Nếu quy định này dẫn chiếu đến một tòa án nằm bên ngoài phạm vi lãnh thổ của EU, thẩm quyền đặc biệt sẽ không có hiệu lực và khi đó, tòa án duy nhất có thẩm quyền đối với nguyên đơn chính là tòa án nơi cư trú của bị đơn như ghi nhận tại Điều 2.

Trong phạm vi các quy định từ Điều 8 đến Điều 21, *thẩm quyền bảo vệ* được ghi nhận nhằm mục đích thay thế nguyên tắc chính về thẩm quyền tại Điều 2 nhằm phục vụ cho mục đích bảo vệ bên yếu thế. Do vậy, quy định tại Điều 2 về tòa án nơi cư trú của bị đơn sẽ không được áp dụng trong các vụ việc liên quan đến bảo hiểm, hợp đồng với người tiêu dùng và hợp đồng lao động.

Thẩm quyền riêng biệt, được ghi nhận tại Điều 22, được trao cho một tòa án khi bản chất của vụ việc có quá ít mối liên hệ với tòa án đến mức sẽ là công bằng nếu không áp dụng nguyên tắc về thẩm quyền tại Điều 2. Thẩm quyền riêng biệt được áp dụng chủ yếu trong các trường hợp tố tụng liên quan đến bất động sản, theo đó tòa án nơi có bất động sản sẽ được trao thẩm quyền này. Lúc này, thẩm quyền được xem là riêng biệt và độc nhất, các đương sự không được phép thỏa thuận lựa chọn một tòa án khác².

Việc *gián đoạn thẩm quyền* cho dù được thể hiện rõ ràng bởi thỏa thuận của các bên theo Điều 23, hay được ngầm hiểu bởi sự xuất hiện tự nguyện của bị đơn theo Điều 24, đều mang ý nghĩa giảm hiệu lực của nguyên tắc chung về thẩm quyền đối với nơi bị đơn cư trú và được xác định dựa trên sự thỏa thuận của các bên. Thẩm quyền đối với tranh chấp liên quan đến các biện pháp bảo vệ tạm thời được quy định tại Điều 31. Trong khi đó, các quy định từ

Điều 27 đến Điều 30 đóng vai trò quan trọng trong việc tránh các xung đột về thẩm quyền.

2. Pháp luật của Cộng hòa Pháp về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ

Trước hết, học thuyết "*actor sequitur forum rei*" ghi nhận tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Pháp năm 1975 đã trao thẩm quyền cho tòa án tại nơi mà bị đơn cư trú. Từ đó, các tòa án Pháp có thẩm quyền chung khi bị đơn sinh sống tại Pháp ở thời điểm mà các thủ tục tố tụng được tiến hành. Thông qua việc trao cho nguyên đơn quyền tiếp cận đối với các tòa án Pháp khi vụ việc có liên quan đến một chỗ ở tại Pháp, bị đơn cũng đồng thời được trao cơ hội tham gia vụ kiện tại tòa án nơi đang sinh sống thay vì một tòa án khác bên ngoài lãnh thổ của nước Pháp.

Điều 43 BLTTDS tiếp tục xác định chi tiết hơn về nơi cư trú của bị đơn bằng cách phân biệt giữa bị đơn là cá nhân và pháp nhân. Liên quan đến cá nhân, người này được coi là "sống" tại Pháp nếu nơi cư trú đang nằm trên lãnh thổ Pháp. "*Nơi cư trú*" ở đây cũng đồng thời được hiểu là địa điểm mà bị đơn có chỗ ở mang tính chất ổn định, lâu dài, thường xuyên và liên tục. Trong khi đó, với pháp nhân, bị đơn được xem là "sinh sống" tại Pháp nếu địa vị xã hội của pháp nhân đó được thiết lập tại Pháp, cụ thể thường được hiểu là địa điểm mà tại đó các hoạt động kinh doanh cốt lõi được thực hiện. Trong trường hợp bị đơn không sinh sống hay cư trú tại Pháp, đồng thời khó có căn cứ xác định được chỗ ở lâu dài, ổn định của bị đơn, Điều 42(3) cho phép nguyên đơn được khởi kiện tại tòa án tại nơi nguyên đơn cư trú hoặc tòa án bất kỳ theo lựa chọn nếu nguyên đơn sinh sống ở nước ngoài. Tuy vậy, quy định này chỉ được xem là một ngoại lệ đặc biệt trong trường hợp địa điểm chính xác nơi cư trú của bị đơn không được xác định cụ thể chứ không cấu thành nên nguyên tắc chung về thẩm quyền của tòa án³.

Như đã nói ở trên, Điều 42 và Điều 43 BLTTDS đã đưa ra quy định về thẩm quyền chung đối với bị đơn là pháp nhân được thành lập tại Pháp. Mặc dù vậy, BLTTDS lại không ghi nhận cụ thể về thẩm quyền đối với chi nhánh của các pháp nhân nước ngoài. Tuy nhiên, để đáp ứng lợi ích của nguyên đơn, một án lệ đã được xây dựng và theo đó, sự hình thành của

² Jenard Report, tr. 35; affirmed by the ECJ in C-115/88 Reichert, [1990] ECR I-27, para. 10.

³ Helene Van Lith, *Uniform Rules for Contract Disputes*, T.M.C. Asser Press, 2009, tr. 152.

pháp nhân có thể được mở rộng theo hướng áp dụng đối với cả các pháp nhân nước ngoài nhưng thành lập chi nhánh tại Pháp. Từ đó, pháp nhân nước ngoài cũng sẽ thuộc thẩm quyền của các tòa án Pháp nếu các pháp nhân này thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua chi nhánh tại Pháp, miễn là chi nhánh đó có một mức độ tự do nhất định trong việc đại diện cho pháp nhân trong mối quan hệ với bên thứ ba. Cần phải lưu ý rằng bản thân pháp nhân đó khi tiến hành kinh doanh tại Pháp thông qua người đại diện không tạo nên căn cứ để thiết lập thẩm quyền mà cần phải chứng minh được mối liên kết giữa vụ việc tranh chấp với hoạt động của chi nhánh. Như vậy, từ sự thành lập ban đầu của trụ sở pháp nhân cho đến sự thành lập thứ cấp đối với chi nhánh, một thẩm quyền đặc biệt đã được ghi nhận để ràng buộc cho bị đơn là pháp nhân đã thành lập chi nhánh tại Pháp. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 46(2), thẩm quyền đặc biệt đối với hợp đồng cũng được ghi nhận khi cho phép bị đơn trong các quan hệ hợp đồng, bên cạnh yêu cầu giải quyết vụ việc tại tòa án nơi bị đơn cư trú thì còn có thể khởi kiện vụ án ra tòa án tại địa điểm tiến hành giao hàng hóa hoặc nơi thực hiện dịch vụ đã thỏa thuận. Đây là loại thẩm quyền được giới hạn trong phạm vi các tranh chấp nảy sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng cung ứng dịch vụ. Trước hết, địa điểm giao hàng hóa được hiểu là nơi mà hàng hóa sẽ được vận chuyển đến. Việc chấp nhận hàng hóa bởi bên còn lại cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định địa điểm giao hàng hóa. Trong khi đó, việc hợp đồng được giao kết tại Pháp hay địa điểm thanh toán tại Pháp không có ý nghĩa làm phát sinh thẩm quyền. Còn đối với địa điểm thực hiện dịch vụ thì đây là một thuật ngữ mang tính tương đối mơ hồ và cần được giải thích một cách kỹ lưỡng. Tuy nhiên, hiện nay các án lệ của Pháp chủ yếu xác định địa điểm thực hiện dịch vụ dựa trên từng vụ việc cụ thể mà không đưa ra nguyên tắc chung.

Ngoài những nguyên tắc xác định thẩm quyền của tòa án như đã nêu ở trên, nguyên tắc thẩm quyền mới có liên quan đến các biện pháp khẩn cấp tạm thời, bao gồm cả việc bắt giữ tài sản, đã được ghi nhận vào năm 1992. Cụ thể, các tòa án Pháp có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các vụ việc quốc tế, miễn là tài sản đang nằm tại Pháp và bị đơn đang cư trú bên ngoài lãnh thổ Pháp. Nguyên tắc về thẩm quyền

này còn được gọi là *forum arresti*⁴. Một trong những quan điểm ủng hộ cho nguyên tắc này đó chính là tính hiệu quả trong việc tiếp cận công lý. Khi một tòa án ra quyết định bắt giữ tài sản, sẽ thuận lợi hơn nếu như chính tòa án đó cũng đồng thời xử lý vụ việc này về mặt nội dung. Đồng thời, việc cho phép nguyên đơn được khởi kiện bị đơn tại cùng một tòa án, thay vì phải tiến hành các thủ tục tại một nơi khác, sẽ có ý nghĩa bảo vệ cho quyền và lợi ích của nguyên đơn. Ngược lại, điều này cũng dẫn tới những bất lợi nhất định cho bị đơn khi buộc họ phải chịu thẩm quyền của một tòa án nước ngoài, từ đó tước bỏ đi thẩm quyền chung đối với bị đơn tại nơi cư trú.

3. Pháp luật của Cộng hòa Liên bang Đức về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ

Về tổng quan, chế độ thẩm quyền nội địa lãnh thổ của tòa án Đức được ghi nhận bởi việc áp dụng các quy định từ Điều 12 đến Điều 40 của BLTTDS Đức năm 2005 (ZPO). Cụ thể, Điều 12 đến Điều 19 ZPO đã thiết lập nên quy định về thẩm quyền chung mà không quan tâm đến bản chất của vụ việc. Chỉ có những quy định về thẩm quyền riêng biệt như tại Điều 24 và Điều 29a mới có tác dụng suy giảm hiệu lực của thẩm quyền chung. Bên cạnh đó, chế độ thẩm quyền của Đức cũng đề cập đến thẩm quyền đặc biệt trong các vấn đề cụ thể. Hệ thống pháp luật về thẩm quyền cũng cho phép nhiều hơn một tòa án có thẩm quyền, theo như quy định tại Điều 35 tôn trọng sự lựa chọn của nguyên đơn. Còn lại, Điều 38 đến Điều 40 ghi nhận về việc gián đoạn thẩm quyền theo thỏa thuận.

Trước tiên, liên quan đến thẩm quyền chung, Điều 12 đã đưa ra phạm vi thẩm quyền chung của các tòa án Đức bằng cách quy định rằng bất kỳ người nào cũng thuộc phạm vi thẩm quyền của tòa án đối với bất kỳ loại tranh chấp nào, miễn là những tranh chấp đó không thuộc thẩm quyền riêng biệt. Các điều luật tiếp theo xác định trong những trường hợp nào thì tòa án có thẩm quyền riêng biệt đối với một chủ thể, trong đó Điều 13 ZPO ghi nhận thẩm quyền chung của tòa án tại nơi cư trú của cá nhân (được gọi là "*Wohnsitz*"). Đối với chủ thể là pháp nhân, Điều 17 ghi nhận thẩm quyền chung của tòa án nơi đặt trụ sở của pháp nhân đó. Việc xác định thẩm quyền

⁴ Audit (2006), *Droit international privé*, § 351, tr. 304.

đối với tòa án Đức tại nơi cư trú hoặc trụ sở của bị đơn cấu thành nguyên tắc chủ đạo trong hệ thống về thẩm quyền tại Đức xuất phát từ lý do là một người khi bị khởi kiện trong một vụ tranh chấp nhất định thì cần được bảo vệ khỏi sự kiện tụng tại một tòa án nước ngoài⁵. Mặc dù vậy, yếu tố quốc tịch không đóng vai trò quan trọng khi bị đơn đủ là người Đức hay người nước ngoài thì cũng trải qua các thủ tục tương tự nhau.

Đối với cá nhân, nơi cư trú được hiểu là địa điểm mà cá nhân đó sinh sống ổn định, lâu dài và thực hiện các hoạt động liên quan đến cuộc sống của mình⁶. Pháp luật Đức cho phép một cá nhân có thể có nhiều hơn một nơi cư trú, đồng nghĩa với nhiều tòa án có thể có thẩm quyền chung. Tiêu chí về nơi sinh sống thường xuyên chỉ được sử dụng mang ý nghĩa ngoại lệ. Cụ thể, Điều 16 ZPO quy định nếu bị đơn không cư trú tại Đức, nơi người đó thường xuyên sinh sống tại Đức sẽ là căn cứ tạo nên thẩm quyền. Đối với pháp nhân, thẩm quyền chung được xác lập cho tòa án nơi đặt trụ sở của pháp nhân đó, tiếp theo có thể là địa điểm chủ yếu thực hiện các hoạt động quản lý hành chính. Điều đó có nghĩa là tòa án nơi đặt trụ sở pháp nhân vẫn được trao thẩm quyền đầu tiên trong việc giải quyết vụ việc, còn nếu trong trường hợp không xác định được trụ sở thì thẩm quyền mới được trao cho tòa án nơi chủ yếu thực hiện các hoạt động quản lý hành chính. Tuy nhiên, pháp luật về doanh nghiệp của Đức luôn yêu cầu pháp nhân bắt buộc phải có trụ sở và do vậy hiếm khi xảy ra các trường hợp mà trụ sở doanh nghiệp không được xác định cụ thể. Thêm vào đó, nơi chủ yếu thực hiện các hoạt động quản lý hành chính có thể hiểu là trung tâm của các hoạt động kinh doanh, là nơi mà cơ quan quản lý, điều hành của pháp nhân thực hiện các quyết định kinh doanh.

Điều 21 ZPO cũng quy định rằng một pháp nhân có thể là đối tượng trong các vụ kiện đối với các vấn đề nảy sinh từ hoạt động kinh doanh của chi nhánh và lúc này, tòa án nơi đặt chi nhánh sẽ có thẩm quyền đối với vụ việc. Các tòa án Đức có thẩm quyền đặc biệt đối với các bị đơn có yếu tố nước ngoài, đặt trụ sở ở một quốc gia khác nhưng đã thành lập chi nhánh tại Đức để thực hiện các hoạt động sản

xuất kinh doanh, miễn là vấn đề tranh chấp nảy sinh từ hoạt động của chi nhánh đó⁷. Theo học thuyết *actor sequitur forum rei*, Điều 21 ZPO cho phép nguyên đơn được khởi kiện bị đơn tại tòa án nơi có chi nhánh, thay vì phải khởi kiện bị đơn tại tòa án nơi đặt trụ sở của bị đơn. Nói cách khác, đặc quyền của bị đơn được tự bảo vệ tại tòa án nơi có trụ sở bị hạn chế bởi Điều 21 nói trên, một khi bị đơn đã thành lập chi nhánh tại một địa điểm khác. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tố tụng, khi nơi đặt chi nhánh được xem là có mối liên hệ gần gũi với vấn đề tranh chấp nảy sinh từ hoạt động của chi nhánh. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng thẩm quyền đặc biệt tại Điều 21 bị giới hạn bởi các vụ việc có liên quan đến hoặc nảy sinh từ hoạt động của chi nhánh, chứ không nhất thiết hoạt động đó phải xảy ra tại chính nơi đặt chi nhánh. Từ đó, các vụ việc trong phạm vi của Điều 21 có thể phát sinh từ các nghĩa vụ trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng liên quan tới hoạt động của chi nhánh.

Đối với thẩm quyền đặc biệt trong hợp đồng, Điều 29(1) ghi nhận thẩm quyền đối với các tranh chấp nảy sinh từ nghĩa vụ trong hợp đồng cho các tòa án tại nơi thực hiện nghĩa vụ. Điều 29(2) cho phép các bên thỏa thuận về địa điểm thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng là thương nhân. Quy định này, có tên gọi là *forum contractus*⁸, đóng một vai trò quan trọng trong cấu trúc hệ thống thẩm quyền của Đức và được xem như đối trọng của đặc quyền trao cho bị đơn ghi nhận bởi thẩm quyền chung tại Điều 13 ZPO. Thẩm quyền theo hợp đồng được dựa trên mối liên hệ gần gũi giữa vụ việc tranh chấp và tòa án giải quyết, trong đó địa điểm thực hiện nghĩa vụ thường được xem như yếu tố mang tính chất kết nối. Điều 269(1) Bộ luật Dân sự Đức năm 2002 (sửa đổi năm 2013) đã quy định địa điểm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng được xác định tại nơi cư trú của bên có nghĩa vụ tại thời điểm nghĩa vụ phát sinh. Nơi cư trú của bên có nghĩa vụ thường sẽ trùng khớp với nơi cư trú của bị đơn. Như vậy, thẩm quyền đặc biệt xác định tại Điều 29 ZPO sẽ không dẫn tới một giải pháp khác ngoài thẩm quyền chung tại Điều 12. Ngoài những quy định chung và

⁵ BGH, BGHZ (tập 88), 1983, tr. 331.

⁶ Baumbach and Lauterbach, ZPO, § 1, tr. 92; Musielak, Kommentar, ZPO, § 1, tr. 77.

⁷ Helene Van Lith, *Uniform Rules for Contract Disputes*, T.M.C. Asser Press, 2009, tr. 164.

⁸ Kropholler, *Internationales Privatrecht*, Mohr Siebeck, 2001, tr. 616.

khi các bên không thỏa thuận về địa điểm thực hiện nghĩa vụ cụ thể, pháp luật Đức còn ghi nhận thêm một vài trường hợp về địa điểm thực hiện nghĩa vụ trong một số loại hợp đồng đặc thù. Liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa, nơi thực hiện nghĩa vụ trả tiền là nơi cư trú của bên mua, còn với hợp đồng dịch vụ, nơi thực hiện nghĩa vụ được xác định là nơi cung ứng dịch vụ.

Đối với thẩm quyền dựa trên tài sản, Điều 23 ZPO có quy định nguyên tắc *forum patrimonii*, theo đó thẩm quyền được ghi nhận dựa trên cơ sở tài sản của bị đơn đang nằm trên lãnh thổ Đức mà không quan tâm đến số lượng hay bản chất của vụ việc hoặc giá trị của tài sản. Quy định này chỉ được áp dụng khi bị đơn không cư trú hoặc đặt trụ sở tại Đức và mang tính chất thứ yếu so với các quy định về thẩm quyền đối với chi nhánh và thẩm quyền về hợp đồng tại Điều 21 và Điều 29 ZPO. Điều 23 được thiết kế nhằm trao cho nguyên đơn quyền yêu cầu một tòa án tại Đức giải quyết vụ việc chống lại bị đơn có nơi cư trú bên ngoài lãnh thổ Đức, tránh trường hợp nguyên đơn phải theo bị đơn tới khởi kiện tại tòa án nơi cư trú của bị đơn tại nước ngoài. Có nghĩa là mục tiêu chính của quy định này là nhằm đến các nguyên đơn là người nước ngoài, còn nguyên đơn cũng không nhất thiết phải cư trú tại Đức hoặc có quốc tịch Đức, miễn là tài sản thuộc về bị đơn đang nằm trên lãnh thổ Đức là đủ⁹. Nguyên tắc *forum patrimonii* đặc biệt hiệu quả đối với mục đích cưỡng chế về tài sản, vì khi đó nguyên đơn có khả năng thực hiện phán quyết liên quan đến tài sản của bị đơn tại Đức mà không phải thông qua các thủ tục tố tụng khác để cưỡng chế tài sản. Mặt khác, nếu nguyên đơn cần phải thực thi các phán quyết của các tòa án Đức tại địa điểm ở một quốc gia khác thì đó sẽ là thách thức và rào cản rất lớn. Thẩm quyền dựa trên tài sản của hệ thống thẩm quyền của Đức được xác lập không dựa trên giá trị của tài sản, cũng không áp đặt một giá trị tối thiểu lên tài sản cũng như không yêu cầu giá trị tài sản phải tương xứng nhằm đáp ứng lợi ích của nguyên đơn. Điều này có nghĩa là nguyên tắc *forum patrimonii* không có mục tiêu đáp ứng quyền lợi của nguyên đơn từ tài sản của bị đơn, mà chủ yếu liên quan đến việc bảo vệ tài sản của người Đức thông qua việc kiểm soát tài sản đang nằm trên lãnh thổ của nước Đức.

⁹ BGH, XI ZR 290/06, 2007, para. 26.

4. Một số nhận xét đánh giá về hệ thống pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Hệ thống pháp luật Civil law trên thế giới với các đại diện tiêu biểu là các quốc gia châu Âu lục địa như Pháp, Đức và đặc biệt là mô hình Brussels bao trùm lên toàn bộ các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu đã đưa ra các quy định cụ thể về các nguyên tắc xác định thẩm quyền. Trong đó, thẩm quyền được xác định đối với một vụ việc cụ thể khi bị đơn được cho là có mối liên hệ với tòa án thông qua nơi cư trú, trụ sở và đây được xem là nguyên tắc xác định thẩm quyền chủ đạo. Bên cạnh đó, thẩm quyền đối với chi nhánh của pháp nhân được coi là trường hợp mở rộng của thẩm quyền đối với nơi cư trú, trụ sở của bị đơn, có nghĩa là tòa án nơi có chi nhánh sẽ có thẩm quyền giải quyết các vụ việc liên quan đến pháp nhân do chi nhánh được xem là nơi mà pháp nhân tiến hành các hoạt động kinh doanh thông qua đó. Ngoài ra, thẩm quyền đặc biệt được xác lập dựa trên mối liên kết giữa bản chất tranh chấp và tòa án cũng được áp dụng trong hầu hết các quốc gia tại châu Âu khi nơi cư trú hoặc trụ sở của bị đơn không được xác định cụ thể hoặc khi bị đơn không cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đó. Lúc này, thẩm quyền liên quan đến tài sản được xem là giải pháp cuối cùng để giải quyết vụ việc, đặc biệt liên quan đến nơi chứa đựng tài sản đó.

Ở Việt Nam, việc xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ để giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực dân sự dựa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015, cụ thể tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 quy định:

“Điều 39. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ

1. Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau:

a) Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này;

b) Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân

hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này;

c) Đối tượng tranh chấp là bất động sản thì chỉ Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết.”

Tại khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015:

“Điều 40. Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu

1. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây:

a) Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;

b) Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết;

c) Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam hoặc vụ án về tranh chấp việc cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

d) Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết;

đ) Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác đối với người lao động thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

e) Nếu tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng lao động của người cai thầu hoặc người có vai trò trung gian thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi người sử dụng lao động là chủ chính cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi người cai thầu, người có vai trò trung gian cư trú, làm việc giải quyết;

g) Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết;

h) Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

i) Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.”

Theo cách thức sắp xếp về mặt hình thức và nội dung của hai điều luật trên, có thể thấy tiêu chí về nơi bị đơn cư trú, làm việc với cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở đối với cơ quan, tổ chức tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 được xem là tiêu chí đầu tiên thể hiện nguyên tắc chung trong việc xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của tòa án theo lãnh thổ. Điều này có nghĩa là nếu các bên không có thỏa thuận khác và không nằm trong những trường hợp đặc thù do luật quy định thì mặc nhiên thẩm quyền giải quyết tranh chấp vụ án dân sự sẽ thuộc về tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc hoặc đặt trụ sở. Điều này khá tương đồng với “*thẩm quyền chung*” theo quy định của pháp luật các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu nhằm tạo sự thuận lợi cho hoạt động tham gia tố tụng của bị đơn. Còn nếu trong trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận riêng về yêu cầu tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc đặt trụ sở của nguyên đơn (theo điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015) thì pháp luật tố tụng dân sự sẽ tôn trọng thỏa thuận đó, dù đây là một thỏa thuận giới hạn và chỉ có một địa điểm duy nhất mà các bên có thể thỏa thuận với nhau. Tiêu chí này được cho là xuất phát từ sự tôn trọng tự do thể hiện ý chí của các chủ thể, mặc dù ý chí đó cho thấy bị đơn đã từ bỏ đi lợi thế trong việc thực hiện quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hai tiêu chí cuối cùng có thể được xem là các trường hợp mang tính chất đặc thù và riêng biệt, đó là trường hợp vụ án dân sự bắt buộc phải thuộc thẩm quyền của tòa án nơi có bất động sản nếu đối tượng tranh chấp là bất động sản (được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015). Theo đó, mục đích của tiêu chí này là nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động xét xử vụ án dân sự của tòa án dễ dàng hơn trong việc thu thập các chứng cứ, tài liệu ngay tại chính nơi có bất động sản cũng như phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khác tại địa phương để làm rõ các vấn đề có liên quan đến vụ án. Và trường hợp cuối cùng, pháp luật tố tụng còn cho phép nguyên đơn có quyền lựa chọn tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp dựa trên những trường hợp riêng biệt (được quy định tại khoản 1 Điều

40 BLTTDS năm 2015). Điều này trước hết thể hiện sự tôn trọng ý chí của các chủ thể tham gia vào vụ án dân sự, nhưng khác với ý chí ghi nhận trong điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 là sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn thì ý chí trong trường hợp này chỉ là ý chí đơn phương của nguyên đơn và không cần sự đồng thuận của bị đơn. Thêm vào đó, quy định này còn mang ý nghĩa bổ sung và hoàn thiện cho các tiêu chí xác định tòa án có thẩm quyền theo lãnh thổ tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015, tức là nếu có những trường hợp đặc thù nào không thể xác định được tòa án có thẩm quyền theo các tiêu chí chung hoặc xác định được theo các tiêu chí chung nhưng để nhằm phục vụ các mục đích khác thì sẽ được ghi nhận theo lựa chọn của nguyên đơn.

Dựa trên những phân tích trên, có thể thấy rằng Việt Nam và các quốc gia châu Âu đều có sự tương đồng về việc áp dụng hệ thống pháp luật Civil law và đưa ra các tiêu chí để xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, các tiêu chí pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam khi xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ được thực hiện lần lượt như sau:

Thứ nhất, nếu xác định đối tượng tranh chấp là bất động sản thì thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ chỉ có thể là Tòa án nơi có bất động sản, trừ trường hợp các bên tranh chấp có nhiều bất động sản tranh chấp ở nhiều địa danh hành chính khác nhau thì các bên đương sự có thể thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nhưng chỉ có thể là Tòa án nơi có ít nhất một bất động sản tọa lạc hoặc nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nhưng cũng phải là Tòa án nơi có ít nhất một bất động sản tọa lạc;

Thứ hai, nếu các bên đương sự thỏa thuận với nhau, Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nơi nguyên đơn cư trú, làm việc đối với cá nhân hoặc trụ sở đối với cơ quan, tổ chức hoặc Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc đối với cá nhân hoặc trụ sở đối với cơ quan, tổ chức (không thuộc trường hợp đối tượng tranh chấp là bất động sản) thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án do các bên thỏa thuận;

Thứ ba, nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục

sơ thẩm dựa trên những trường hợp theo quy định pháp luật (lưu ý: không thuộc trường hợp đối tượng tranh chấp là bất động sản và trường hợp do các bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết) thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm dân sự là Tòa án do nguyên đơn lựa chọn.

Thứ tư, nếu đối tượng tranh chấp không phải là bất động sản, không phải trường hợp thỏa thuận, lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của các đương sự, nguyên đơn thì thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức.

Vì vậy, ngoài việc tham khảo, học hỏi một cách sâu sắc các kinh nghiệm lập pháp có tính ưu việt về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ của các quốc gia châu Âu, BLTTDS Việt Nam nên được tổ chức sắp xếp lại thứ tự ưu tiên các tiêu chí xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 một cách khoa học, logic và dễ hiểu. Có thể sắp xếp theo hướng mà thực tiễn đã thực hiện được nêu ở trên để nguyên đơn, người khởi kiện vụ án dân sự dễ dàng xác định và gửi đơn khởi kiện, kèm theo các tài liệu chứng cứ đến đúng Tòa án đã được xác định là Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và cũng để cho chính Thẩm phán được phân công xem xét xử lý đơn khởi kiện nhanh chóng và dễ dàng xác định Tòa án mình có thẩm quyền thụ lý giải quyết tranh chấp theo thủ tục sơ thẩm hay không, từ đó nhanh chóng ra một trong các quyết định chính xác được quy định tại khoản 3 Điều 191 BLTTDS năm 2015./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
2. Mankowski, Peter & Magnus, Ulrich, *Brussels I Regulation*, Sellier de Gruyter, 2007;
3. Jenard Report, affirmed by the ECJ in C-115/88 Reichert, [1990] ECR I-27, para. 10;
4. Helene Van Lith, *Uniform Rules for Contract Disputes*, T.M.C. Asser Press, 2009;
5. Audit, *Droit international privé*, § 351, 2006;
6. BGH, BGHZ(Tập 88), 1983;
7. Kropholler, *Internationales Privatrecht*, Mohr Siebeck, 2001.